

Số: 36/2024/ASG

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

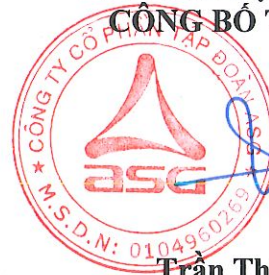
- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
Mã chứng khoán: ASG
Địa chỉ trụ sở chính: Khu dịch vụ logistics, Cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024. 3761 6688 Fax: 024. 3772 8668
Email: info@asg.net.vn
- Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu thêm ra công chúng
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG vào ngày 13/03/2024, tại đường dẫn: <https://asg.net.vn/shareholders/co-dong/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo số 32/2024/ASG
ngày 13/03/2024

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Thị Nhung

Số: 32.../2024/ASG

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 03/GCN-UBCK
do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08/01/2024)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
- Tên viết tắt: ASG
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Dịch vụ Logistics, cảng HKQT Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3761 6688 Website: www.asg.net.vn
- Vốn điều lệ: 756.538.910.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: ASG
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh sở Giao dịch 1
Số tài khoản: 0021119668888
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104960269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 22/10/2010, cấp thay đổi lần thứ 23 ngày 27/06/2023.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không
Mã ngành: 5223
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hoá, Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị hàng không, v.v.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Không có.

II. Phương án chào bán

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 15.130.778 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 15.130.778 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
- 4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- 5. Tổng số tiền huy động dự kiến: 151.307.780.000 đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 151.307.780.000 đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
- 6. Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:20 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu phổ thông sẽ được hưởng 01 quyền, cứ 100 quyền được mua thêm 20 cổ phiếu mới).
 - Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mỗi cổ đông nhận được sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phần không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện cộng dồn và phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Việc xử lý cổ phần còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:
 - + Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - + Đối tượng và số lượng cổ phiếu được phân phối:
 - Ưu tiên nhà đầu tư trong nước nhằm đảm bảo giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty;
 - Không xung đột về lợi ích của Công ty, có năng lực tài chính và có khả năng hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Có tỷ lệ sở hữu cổ phiếu sau khi nhận phân phối phù hợp với quy định của pháp luật.
- 7. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền:
 - Thời gian đăng ký mua và nộp tiền do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền: Từ ngày 05/02/2024 đến ngày 27/02/2024;
 - Thời gian đăng ký mua và nộp tiền để xử lý cổ phiếu lẻ và phân phối cho nhà đầu tư được mua cổ phiếu không chào bán hết: Từ ngày 08/03/2024 đến hết ngày 12/03/2024.
- 8. Ngày kết thúc đợt chào bán: 12/03/2024.
- 9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Trong quý II/2024.

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)	Số cổ phiếu chào bán	Số cổ phiếu được đăng ký mua	Số cổ phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10
1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng	10.000	15.130.778	14.879.422	14.879.422	208	208	0	251.356	98,34%
2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết	10.000	251.356	251.356	251.356	1	1	0	0	100,00%
Tổng số		15.130.778	15.130.778	15.130.778	208 (*)	208 (*)	0	0	100,00%
1. Nhà đầu tư trong nước	10.000	15.130.286	15.130.286	15.130.286	205	205	0	0	99,997%
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	10.000	492	492	492	3	3	0	0	0,003%
Tổng số		15.130.778	15.130.778	15.130.778	208	208	0	0	100,00%

(*) 01 nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu chưa phân phối hết là cổ đông hiện hữu đã thực hiện quyền mua trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

- Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nêu kết quả phân phối cổ phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (số lượng, giá, trường hợp có tổ hợp bảo lãnh thì nêu từng tổ chức): *Không có.*
- Trường hợp phân phối số cổ phiếu còn lại cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định: theo Danh sách nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu còn lại đính kèm.

IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 15.130.778 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành chào bán: **15.130.778 cổ phiếu;**
- Số lượng cổ phiếu của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: **0 cổ phiếu.**

2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 151.307.780.000 đồng, trong đó:

- Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: **151.307.780.000 đồng.**
- Tổng số tiền của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: **0 đồng.**

3. Tổng chi phí:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Phí Tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng	300.000.000
2	Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào thêm cổ phiếu ra công chúng	35.000.000
3	Phí chốt danh sách cổ đông	7.000.000

4	Phí chuyển tiền từ VSDC về tài khoản phong tỏa (VSDC đã khấu trừ phí chuyển tiền đặt mua cổ phiếu của cổ đông về tài khoản phong tỏa)	1.100.000
5	Phí kiểm toán vốn	22.000.000
	Tổng chi phí đợt chào bán	365.100.000

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán:

STT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)
1	Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	151.307.780.000
2	Tổng chi phí đợt chào bán	365.100.000
	Tổng thu ròng từ đợt chào bán	150.942.680.000

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

1. Cơ cấu vốn

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài				
1	Trong nước	541	90.115.601	901.156.010.000	99,26%
1.1	Nhà nước	0	0	0	0,00%
1.2	Tổ chức	17	24.731.898	247.318.980.000	27,24%
1.3	Cá nhân	524	65.383.703	653.837.030.000	72,02%
2	Nước ngoài	10	669.068	6.690.680.000	0,74%
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	1	120	1.200.000	0,00%
2.2	Cá nhân	9	668.948	6.689.480.000	0,74%
	Tổng cộng (1 + 2)	551	90.784.669	907.846.690.000	100%
II	Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác				
1	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0
2	Cổ đông lớn	4	30.456.737	304.567.370.000	33,55%
3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	547	60.327.932	603.279.320.000	66,45%
	Tổng cộng (2 + 3)	551	90.784.669	907.846.690.000	100%

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Dương Đức Tính	033071003378	8.564.634	9,43%
2	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư APL	0107453210	8.322.700	9,17%
3	Phạm Thị Hằng	037145000566	7.685.554	8,47%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành	0107965843	5.883.849	6,48%

VI. Tài liệu gửi kèm

- Văn bản xác nhận của ngân hàng về số tiền thu được từ đợt chào bán;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 04/2024/NQ-HĐQT/ASG ngày 08/03/2024 về việc thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2024/NQ-HĐQT/ASG ngày 13/3/2024 về việc thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Chủ tịch HĐQT

Dương Đức Tính



DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC PHÂN PHỐI CỔ PHIẾU CÒN LẠI
(Đính kèm Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng số 32/2024/ASG ngày 13/03/2024)



Họ và tên	Số GCNĐKDN hoặc tài liệu tương đương khác/CMND/CCCD/Hộ chiếu	Nhà đầu tư		Người có liên quan	
		Số lượng cổ phiếu được phân phối lại và tỷ lệ phân phối trong đợt chào bán (**)	Tỷ lệ	Số lượng cổ phiếu được phân phối lại và tỷ lệ phân phối trong đợt chào bán (**)	Tỷ lệ
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư APL	0107453210	Số lượng (cổ phiếu) 251.356	Tỷ lệ 1,66%	Số lượng (cổ phiếu) 0	Tỷ lệ 0
			Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán 9,17%		Tỷ lệ sở hữu sau đợt chào bán 0,00%

(**) Trong 12 tháng gần nhất, Công ty không thực hiện đợt chào bán/ phát hành nào khác.